

Phần hai
LỊCH SỬ VIỆT NAM
TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX

Chương I
VIỆT NAM TỪ THỜI NGUYÊN THUỶ ĐẾN THẾ KỈ X

Bài 13 **VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THUỶ**
(1 tiết)

I - MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Qua những bằng chứng cơ bản, cần thiết về khảo cổ học, lịch sử, làm cho HS nắm được :

- Những nét chính về thời nguyên thủy ở Việt Nam.
- Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, trên đất nước ta đã có con người sinh sống (*Người tối cổ*).
- Các giai đoạn phát triển của công xã nguyên thủy ở Việt Nam từ khi hình thành, phát triển đến khi giải thể.
- Các nền văn hoá lớn ở Việt Nam cuối thời nguyên thủy (Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đông Nai).

2. Về tư tưởng, tình cảm

- Giáo dục lòng yêu quê hương, đất nước, tự hào về lịch sử lâu đời của đất nước.
- Bồi dưỡng ý thức lao động sáng tạo.

3. Về kĩ năng

Xem xét các sự kiện lịch sử trong mối quan hệ giữa không gian, thời gian và xã hội.

II - NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

Thời nguyên thủy ở Việt Nam có nhiều nội dung quan trọng nhưng chỉ học trong một tiết nên GV khi giảng chú ý không trình bày quá chi tiết, đi sâu mà cần nêu được bốn nội dung chủ yếu như đã viết ở SGK.

GV chỉ cần nêu lên hai bằng chứng (răng hoá thạch và công cụ đá ghè đẽo thô sơ) để chứng minh Người tối cổ đã sinh sống trên đất nước ta cách ngày nay 30 – 40 vạn năm.

Chú ý : Dựa vào một số bằng chứng (khảo cổ học) để chứng minh được tiến trình lịch sử về sự phát triển của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam từ người thời Núi Đọ đến người thời Sơn Vi, Người tối cổ chuyển hoá thành Người tinh khôn.

Cần làm rõ được : Đến cư dân văn hoá Hoà Bình – Bắc Sơn là giai đoạn công xã thị tộc phát triển và tiếp sau đó là giai đoạn giải thể của công xã thị tộc từ khi có thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước ra đời.

GV cũng nên lưu ý giảng cho HS hiểu được vào cuối thời nguyên thủy, các bộ lạc sống trên đất nước ta không phải chỉ có cư dân Phùng Nguyên mà còn có các bộ lạc Hoa Lộc, Sa Huỳnh, Đông Nai... đều có một sự chuyển biến quan trọng trong đời sống kinh tế – xã hội, đều biết đến thuật luyện kim, làm nông nghiệp trồng lúa nước.

GV có thể dùng bảng thống kê dưới đây để HS thấy rõ hơn điều đó.

Khu vực	Văn hoá đồ đồng	Văn hoá sơ kì đồ sắt
Miền Bắc	Từ Văn hoá Phùng Nguyên	Đến Văn hoá Đông Sơn
Miền Trung	Từ Văn hoá Bình Châu	Đến Văn hoá Sa Huỳnh
Miền Nam	Từ Văn hoá Dốc Chùa	Đến Văn hoá Cần Giờ (Văn hoá sông Đông Nai)

Giảng cho HS nắm được những nét khái quát về cuộc sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của các bộ lạc nói trên. Từ đó, để HS hiểu được những chuyển biến lớn lao đó là cơ sở và tiền đề cho công xã thị tộc giải thể, hình thành nên các nhà nước cổ đại ở Việt Nam.

2. Về phương pháp

GV nên sử dụng phương pháp miêu tả để trình bày theo tiến trình lịch sử các giai đoạn của xã hội nguyên thủy ở Việt Nam.

Sử dụng phương pháp miêu tả làm cho bài giảng sinh động, lôi cuốn sự chú ý của HS (miêu tả về cuộc sống vật chất, tinh thần của các bộ lạc...) kết hợp với phương pháp đàm thoại.

III - THIẾT BỊ, TÀI LIỆU DẠY — HỌC

GV chuẩn bị :

– Bản đồ Việt Nam, trên đó có đánh dấu các địa danh (di tích văn hoá khảo cổ học) như : Núi Đọ, Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, Hàng Gòn, An Lộc, Ngườm, Sơn Vi, Hoà Bình, Bắc Sơn, Phùng Nguyên, Hoa Lộc, Sa Huỳnh, Đồng Nai...

– Một số tranh ảnh về cuộc sống người nguyên thuỷ (công cụ lao động, đồ trang sức...).

IV - GỢI Ý TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY – HỌC

1. Giới thiệu bài học

Có thể mở bài như sau : Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, do những điều kiện thuận lợi về tự nhiên, khí hậu, nên đất nước ta đã có Người tối cổ sinh sống. Trải qua hàng chục vạn năm, Người tối cổ đã tiến hoá thành Người tinh khôn (Người hiện đại), đưa xã hội nguyên thuỷ ngày càng phát triển qua các giai đoạn hình thành, phát triển và giải thể.

Bài học hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu quá trình đó đã diễn ra như thế nào ?

2. Tổ chức các hoạt động dạy và học

Mục 1. Những dấu tích Người tối cổ ở Việt Nam

Khi giảng mục này, GV kết hợp với việc sử dụng bản đồ đã chuẩn bị, giới thiệu trên bản đồ các địa danh có dấu tích Người tối cổ và niên đại của nó. Tiếp đó, GV đặt câu hỏi như ở cuối mục 1 SGK để HS trả lời, cuối cùng kết luận : Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, trên đất nước Việt Nam đã có Người tối cổ sinh sống.

Mục 2. Sự hình thành và phát triển của Công xã thị tộc

GV giảng cho HS hiểu được trong quá trình tiến hoá, đến văn hoá Sơn Vi (giới thiệu trên bản đồ địa danh Sơn Vi và các địa danh thuộc giai đoạn văn hoá Sơn Vi) có niên đại cách ngày nay trên dưới 2 vạn năm, *Người tối cổ đã chuyển hoá thành Người tinh khôn và công xã thị tộc được hình thành*, mở đầu cho các giai đoạn phát triển của xã hội thị tộc ở Việt Nam.

GV trình bày như trong SGK, lần lượt nêu khái quát những nội dung chính như địa bàn sinh sống, công cụ lao động, hoạt động kinh tế, tổ chức xã hội,

đời sống vật chất, tinh thần của cư dân văn hoá Hoà Bình – Bắc Sơn và cư dân sau đó, cách ngày nay 5000 – 6000 năm (các nhà khảo cổ học thường gọi là cư dân hậu kì đá mới, “cách mạng đá mới”). Sau khi giảng mục này, GV hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cuối mục ở SGK để thấy được những biểu hiện phát triển của công xã thị tộc thời hậu kì đá mới, đã tạo tiền đề cho sự ra đời thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước.

Mục 3. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước

GV lần lượt nêu lên những nét chính yếu về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đông Nai,... như nội dung mục 3 bài 13 SGK. Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi cuối mục để nắm được sự chuyển biến quan trọng có ý nghĩa bước ngoặt của các bộ lạc sống trên đất nước ta thời sơ kì đồng thau. Khi giảng mục này, GV nên sử dụng phương pháp trực quan, sử dụng bản đồ kết hợp phỏng vấn. Sử dụng phương pháp tường thuật kết hợp với miêu tả, trực quan để bài giảng sinh động, thu hút sự chú ý học tập của HS.

Trong mức độ, cũng nên sử dụng phương pháp trao đổi giữa thầy và trò khi cần thiết (nêu và trả lời câu hỏi).

3. Sơ kết bài

Củng cố :

– Những bằng chứng về khảo cổ học, lịch sử, cho phép chúng ta có thể nói rằng cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, trên đất nước ta đã có Người tối cổ sinh sống.

– Trải qua hàng chục vạn năm, Người tối cổ đã chuyển hoá thành Người tinh khôn, đã đưa xã hội nguyên thuỷ ngày càng phát triển trải qua các giai đoạn hình thành, phát triển, tan rã của công xã thị tộc, hình thành những nền văn hoá lớn.

Các bộ lạc bước vào thời đại sơ kì kim khí, mở đầu cho sự chuyển biến lớn lao, có ý nghĩa trọng đại đưa đến sự hình thành các nhà nước cổ đại trên đất nước ta. Nội dung này sẽ học ở bài sau.

Bài tập :

– GV hướng dẫn HS dựa vào nội dung các mục 1, 2, 3 bài 13 SGK để trả lời các câu hỏi cuối bài học.

V - TÀI LIỆU THAM KHẢO

Vào cuối thời đại đá mới, cư dân các bộ lạc sống ở lưu vực sông Hồng trên cơ sở phát triển kĩ thuật chế tác đá, làm gốm, đã biết đến một loại nguyên vật liệu mới là đồng và thuật luyện kim đồng thau, mặc dù còn ở buổi đầu.

Di chỉ văn hoá Phùng Nguyên được tìm thấy ở nhiều nơi thuộc lưu vực sông Hồng như Phú Thọ, Bắc Ninh, Hà Tây, Hà Nội, Hải Phòng... Ở một số di tích thuộc văn hoá Phùng Nguyên (vào nửa đầu thiên niên kỉ II TCN), các nhà khảo cổ học tìm thấy di cốt người, các cục đồng, xỉ đồng. Điều đó chứng tỏ cư dân Phùng Nguyên đã luyện đồng thau ngay trên đất nước ta và văn hoá Phùng Nguyên đã mở đầu cho sơ kì thời đại đồng thau ở Việt Nam. Tiếp theo các bộ lạc Phùng Nguyên là các bộ lạc Đông Đậu (nửa sau thiên niên kỉ II TCN), Gò Mun (nửa đầu thiên niên kỉ I TCN), đã trực tiếp xây dựng cơ sở cho văn hoá Đông Sơn ra đời sau đó...

Cư dân bấy giờ đều làm nghề nông trồng lúa nước và các cây lương thực khác bằng cuốc đá. Họ còn chăn nuôi gia súc, gia cầm như trâu, bò, lợn, gà...

Cùng với nông nghiệp, chăn nuôi, nghề thủ công của các bộ lạc Phùng Nguyên cũng rất phát triển...

(Theo : Trương Hữu Quýnh (Chủ biên),
Đại cương Lịch sử Việt Nam, Tập 1, NXB Giáo dục, H., 2002)